

Thứ hai, ngày 19 tháng 10 năm 2020

Vietnam Daily Review

Đà tích lũy tiếp tục

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 20/10/2020		•	
Tuần 19/10-23/10/2020		•	
Tháng 10/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VN-Index duy trì xu hướng đi ngang trong cả phiên giao dịch. Khối ngoại vẫn tiếp tục bán ròng trên sàn HOSE và mua ròng trên HNX. Dòng tiền đầu tư suy yếu khi chỉ có 8/19 nhóm ngành tăng điểm. Biên độ dao động thu hẹp, độ rộng thị trường tích cực và thanh khoản suy giảm cho thấy đà tăng của VN-Index đang hạ nhiệt. BSC khuyến nghị các nhà đầu tư nên hạn chế giao dịch và chờ đợi diễn biến ngắn hạn của thị trường trong tuần.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 890 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 19/10/2020, phần lớn chứng quyền đều giảm, trong khi chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về giá. Giá trị giao dịch giảm.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:
Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Ngân Hàng_1.3%

Phân tích kỹ thuật: DRI_Bứt phá (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index +0.39 điểm, đóng cửa 943.69 điểm. HNX-Index +1.06 điểm, đóng cửa 140.88 điểm.
- Kéo chỉ số tăng: CTG(+1.06); GVR(+0.97); MSN(+0.67); TCB(+0.35); BVH(+0.33).
- Kéo chỉ số giảm: VHM (-0.86); GAS (-0.76); VCB(-0.74); BID (-0.34); LGC(-0.25).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 6,921 tỷ đồng, -13.3% so với phiên trước.
- Biên độ dao động là 8.00 điểm, thu hẹp so với phiên trước. Thị trường có 205 mã tăng, 66 mã tham chiếu và 197 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: -368.92 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm CTG (-173.6 tỷ), MSN(-122.7 tỷ) và VPB (-48 tỷ). Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị 0.71 tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức

ducnt@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX 943.69

Giá trị: 6921.68 tỷ 0.39 (0.04%)

Khối ngoại (ròng): -368.92 tỷ

HNX-INDEX 140.88

Giá trị: 886.85 tỷ 1.06 (0.76%)

Khối ngoại (ròng): 0.709 tỷ

UPCOM-INDEX 63.95

Giá trị: 0.4 tỷ 0.1 (0.16%)

Khối ngoại (ròng): -13.63 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	40.7	-0.49%
Giá vàng	1,912	0.66%
Tỷ giá USD/VND	23,177	0.04%
Tỷ giá EUR/VND	27,187	0.06%
Tỷ giá JPY/VND	21,996	0.08%
LS liên NH 1 tháng	0.4%	25.44%
LS TPCP 5 năm	1.2%	1.68%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
TCB	135.8	CTG	-173.6
DXG	35.2	MSN	-122.7
VIC	28.2	VPB	-48.0
VCB	16.0	VHM	-47.4
VNM	13.6	POW	-39.2
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-Invest	Trang 2
Tín hiệu hàng hóa	Trang 3
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 4
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 5
Thị trường phái sinh	Trang 6
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 7
Thông kê thị trường	Trang 8
Khuyến nghị dài hạn	Trang 9
Báo cáo mới nhất	Trang 10
iBroker	Trang 11
Khuyến cáo sử dụng	Trang 12

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Ngân Hàng_1.3%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	17/26 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Ngân Hàng	1.3%	1.3%	10.0%	10.0%	33.0%	21.4%	33.4%
Xây dựng	1.0%	1.0%	1.1%	1.1%	24.0%	14.6%	30.7%
Bất động sản Khu công nghiệp	0.9%	0.9%	1.5%	1.5%	22.3%	23.2%	29.2%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	0.8%	0.8%	4.9%	4.9%	19.4%	6.2%	31.5%
VN FinSelect	0.8%	0.8%	5.3%	5.3%	19.2%	6.3%	29.8%
VN Diamond	0.8%	0.8%	5.6%	5.6%	21.6%	0.0%	31.0%
Chiến tranh thương mại	0.7%	0.7%	5.0%	5.0%	29.0%	11.6%	30.6%
Cổ phiếu hết room ngoại	0.6%	0.6%	5.5%	5.5%	24.3%	5.1%	29.9%
Bất động sản & Khu công nghiệp	0.6%	0.6%	1.2%	1.2%	16.6%	3.2%	25.0%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.5%	0.5%	4.2%	4.2%	20.2%	5.4%	28.0%
Lãi suất giảm	0.4%	0.4%	1.3%	1.3%	24.8%	21.0%	32.1%
Đầu tư công	0.2%	0.2%	2.1%	2.1%	27.5%	20.3%	25.8%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.2%	0.2%	-0.4%	-0.4%	18.6%	21.2%	21.4%
Corona Avengers	0.2%	0.2%	3.0%	3.0%	20.3%	15.9%	34.6%
Cổ phiếu ngành Dược	0.2%	0.2%	0.7%	0.7%	15.1%	5.4%	21.5%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	0.1%	0.1%	6.1%	6.1%	23.9%	10.1%	27.3%
Bảo hiểm & Chứng khoán	0.1%	0.1%	9.5%	9.5%	28.8%	20.9%	30.4%
EVFTA	0.0%	0.0%	2.0%	2.0%	3.0%	3.0%	14.8%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-0.1%	-0.1%	5.4%	5.4%	15.1%	-0.3%	25.0%
FTSE Việt Nam	-0.2%	-0.2%	2.5%	2.5%	12.0%	0.0%	25.1%
Hàng tiêu dùng	-0.2%	-0.2%	6.5%	6.5%	25.9%	15.6%	29.3%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	-0.3%	-0.3%	5.4%	5.4%	21.8%	-2.2%	32.2%
Stay-at-home	-0.4%	-0.4%	-0.4%	-0.4%	20.4%	26.0%	33.4%
Nước & Năng lượng	-0.6%	-0.6%	0.0%	0.0%	16.0%	4.3%	25.9%
Vật liệu Xây dựng	-0.6%	-0.6%	3.4%	3.4%	24.0%	21.1%	28.5%
Dầu khí	-1.5%	-1.5%	-1.3%	-1.3%	11.1%	-15.1%	39.0%

Mục tiêu	3/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
M31	0.3%	0.3%	5.7%	5.7%	25.5%	9.0%	30.6%
S21	0.2%	0.2%	2.8%	2.8%	24.5%	7.5%	27.9%
S11	0.1%	0.1%	3.8%	3.8%	21.9%	21.0%	25.9%
M12	0.0%	0.0%	4.9%	4.9%	17.4%	4.7%	25.7%
S32	0.0%	0.0%	6.3%	6.3%	24.0%	0.5%	33.8%
L32	0.0%	0.0%	8.2%	8.2%	24.1%	0.2%	30.9%
L11	0.0%	0.0%	1.7%	1.7%	17.4%	4.2%	24.6%
L22	-0.2%	-0.2%	1.9%	1.9%	21.7%	3.3%	28.0%
M22	-0.4%	-0.4%	3.9%	3.9%	18.2%	11.9%	26.0%

Khẩu vị Rủi ro	3/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
LOW1	0.4%	0.4%	3.9%	3.9%	15.8%	3.9%	25.8%
MID1	0.4%	0.4%	3.3%	3.3%	24.1%	19.7%	25.8%
HIGH3	0.1%	0.1%	4.6%	4.6%	20.9%	4.9%	28.6%

INDEX							
VNINDEX	0.0%	0.0%	4.3%	4.3%	14.4%	-1.8%	24.5%
VN30INDEX	0.2%	0.2%	5.2%	5.2%	17.3%	2.8%	25.8%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	26	17	9	17	9	11	15
Mục tiêu	9	3	6	3	6	4	5
Rủi ro	3	3	0	3	0	1	2

Cập nhật giá cả hàng hóa chiều 19/10

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	41.03	0.37%	4.10%	-0.50%	-20.22%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	43.02	0.21%	3.10%	-1.80%	-25.78%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	116.93	0.04%	-0.50%	-2.70%	-20.21%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1909.71	0.55%	-0.70%	-1.80%	26.22%		PNJ
Bạc	USD/ounce	24.64	2.01%	-1.80%	-8.90%	36.10%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1053.75	0.33%	1.60%	2.20%	8.05%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	632.75	1.20%	6.50%	13.80%	13.04%		AFX
Sữa	USD /cwt	21.05	0.62%	2.80%	17.30%	21.61%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	193.63	1.73%	2.70%			DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	14.44	0.07%	4.30%	9.10%	8.08%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	107.25	-2.05%	-3.90%	-10.50%	1.61%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	6740.00	-0.13%	-0.30%	-0.50%	16.09%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	541.32	0.35%	0.40%	0.00%		HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1870.50	1.00%	1.60%	4.20%	7.62%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	117.38	0.28%	-4.10%	-4.60%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	59.10	2.25%	-0.70%	-0.30%	-21.98%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

• Dầu thô Brent kỳ hạn tháng 12 giảm 20 US cent tương đương 0.5% xuống 42.73 USD/thùng. Dầu thô WTI kỳ hạn tháng 11 giảm 19 US cent, xuống 40.69 USD/thùng. Dầu giảm chủ yếu bởi GDP quý III của Trung Quốc kém hơn kỳ vọng, chỉ tăng 4.9% YoY, bối cảnh số ca mắc dịch Covid-19 tăng cao tác động tiêu cực tới lực cầu của nước nhập khẩu dầu thô lớn nhất thế giới. Cùng với đó, kỳ vọng cầu cuối năm đối với dầu thô của Trung Quốc khả năng suy giảm, bối cảnh nước này cũng đã tăng mua hồi đầu năm. Ủy ban Bộ trưởng OPEC+ cũng sẽ nhóm họp nhằm quyết định khả năng hoãn thực hiện việc giảm nguồn cung còn 5.7 triệu thùng/ngày đầu 2021.

Giá vàng

• Vàng giao ngay tăng 0.1% lên 1,900.79 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 12/2020 trên sàn New York giảm 0.2% xuống 1,903.40 USD/ounce. Các nhà đầu tư tỏ ra thận trọng trước thông tin tiến triển đàm phán gói kích thích giữa chính quyền tổng thống Donald Trump cùng lãnh đạo đảng Dân chủ tại Hạ viện.

	19/10	% 19/10	16/10	% 16/10	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	943.69	0.04%	943.30	0.06%	1.93%	5.55%
S&P 500			3483.81	0.01%	0.19%	2.90%
HĐTL S&P500	3491.00	0.83%	3462.25	-0.38%	-1.18%	4.18%
Shang- hai	3312.67	-0.71%	3336.36	0.13%	-1.36%	1.78%
Euro Stoxx	3266.25	0.64%	3245.47	1.65%	-0.97%	-1.52%

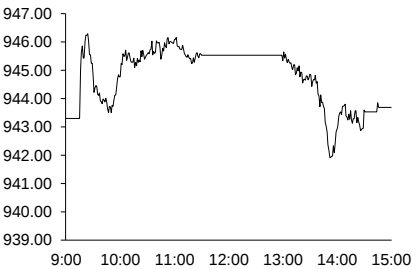
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-1.34%
Truyền thông	-1.23%
Dầu khí	-1.12%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.90%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.67%
Tài nguyên Cơ bản	-0.39%
Y tế	-0.21%
Bất động sản	-0.19%
Bán lẻ	-0.12%
Viễn thông	0.00%
Du lịch và Giải trí	0.01%
Dịch vụ tài chính	0.05%
Ô tô và phụ tùng	0.07%
Công nghệ Thông tin	0.32%
Ngân hàng	0.37%
Xây dựng và Vật liệu	0.47%
Thực phẩm và đồ uống	0.49%
Bảo hiểm	2.10%
Hóa chất	3.28%

Hình 1

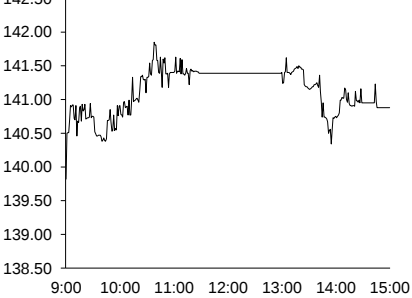
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Phân tích kỹ thuật

DRI_Bút phá

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Xuất hiện Golden Cross.
- Chỉ báo RSI: Ở trong vùng quá mua.
- Đường MA: EMA12 ở trên EMA26.

Nhận định: DRI vẫn đang ở trong trạng thái tăng giá từ đầu tháng 8 đến nay với xuất phát điểm tại ngưỡng hỗ trợ 3. Hôm nay, thanh khoản tăng cao đã đẩy giá cổ phiếu chốt phiên tại mức trần. Các chỉ báo xu hướng hiện đang nghiêng về chiều hướng tích cực. Chỉ báo động lượng RSI đã đi vào vùng quá mua nên cổ phiếu có thể sẽ có sự điều chỉnh trong ngắn hạn. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của DRI nằm tại xung quanh giá 4.4. Mục tiêu chốt lãi của cổ phiếu nằm tại mức 5.4, cắt lỗ nếu ngưỡng 3.8 bị xuyên thủng.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
10/16/2020	FPT	53.2	60	50	53.3	3	0.19% Có thể tiếp tục mua	
10/15/2020	ACV	61.8	70	60	62.5	4	1.13% Có thể giữ nguyên vị thế	
10/14/2020	TCB	22.85	26	21.5	23	5	0.66% Có thể tiếp tục mua	
10/13/2020	STK	15.75	17.5	15	16.55	6	5.08% Có thể tiếp tục mua	
10/12/2020	BWE	25.85	29	25	25.7	7	-0.58% Có thể giữ nguyên vị thế	
10/8/2020	PPC	24	26.5	23	23.5	11	-2.08% Cần nhắc đóng vị thế (*)	
10/7/2020	GAS	74.1	84	71	74	12	-0.13% Có thể tiếp tục mua	
10/2/2020	TLG	36.15	40	35	35.1	17	-2.90% Có thể giữ nguyên vị thế	
10/1/2020	SBT	15.8	18	14	16.45	18	4.11% Có thể giữ nguyên vị thế	
9/29/2020	VNM	109.2	120.5	98.5	107.7	20	-1.37% Có thể giữ nguyên vị thế	
9/28/2020	CEO	7.4	8.5	7	7.5	21	1.35% Có thể giữ nguyên vị thế	
9/25/2020	FCN	11.35	13	10	11.25	24	-0.88% Có thể giữ nguyên vị thế	
9/24/2020	SIP	81.1	95	76	86.1	25	6.17% Có thể tiếp tục mua	
9/22/2020	PVD	11.45	13.5	10.5	11.4	27	-0.44% Có thể giữ nguyên vị thế	
9/21/2020	KBC	13.85	15.5	13	14.8	28	6.86% Có thể tiếp tục mua	
9/17/2020	PTB	53.3	60	48	55.9	32	4.88% Có thể giữ nguyên vị thế	
9/14/2020	TCT	27.95	35	25	29.2	35	4.47% Có thể giữ nguyên vị thế	
9/11/2020	HDG	24.1	28	21	24.5	38	1.66% Có thể giữ nguyên vị thế	
9/10/2020	GMD	23.8	26.7	20.5	23.8	39	0.00% Có thể giữ nguyên vị thế	
9/8/2020	ANV	18.9	21	17.5	19.2	41	1.59% Có thể giữ nguyên vị thế	
9/3/2020	TNG	12.6	15	12	13	46	3.17% Có thể giữ nguyên vị thế	
8/31/2020	VJC	103	112	100	104.5	49	1.46% Có thể giữ nguyên vị thế	
8/27/2020	GTN	25.4	31.1	22.1	23.45	53	-7.68% Cần nhắc đóng vị thế (*)	
8/10/2020	VEA	44.4	46.5	41.5	43.9	70	-1.13% Cần nhắc đóng vị thế (*)	
6/24/2020	TRC	30.69	38.61	27.23	34	117	10.79% Có thể giữ nguyên vị thế	
6/16/2020	VHM	74.9	90	70	76.1	125	1.60% Có thể giữ nguyên vị thế	

Chú thích:
 (*) Trạng thái kỹ thuật không tốt
 (**) Tiệm cận giá mục tiêu

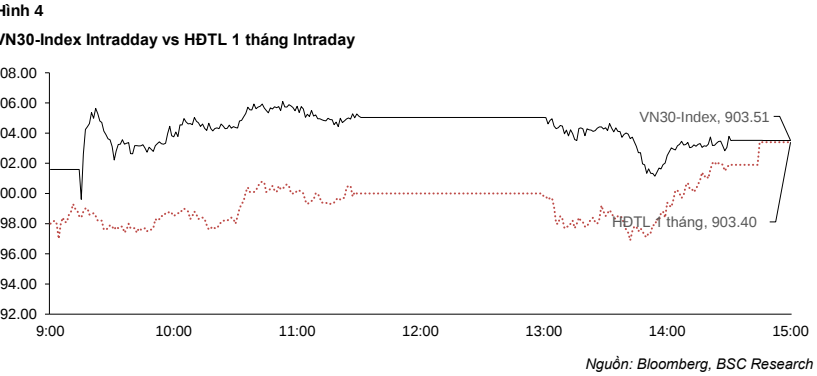
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
10/9/2020	SAB	193	212.5	185	SL	4	-4.15%
10/6/2020	MSN	58	64	54.5	TP	3	10.34%
10/5/2020	DXG	10.95	12	10	TP	14	9.59%
9/23/2020	VCB	85.4	94	82.5	SL	9	-3.40%
9/18/2020	LAS	6.1	7	5.5	TP	21	14.75%
9/16/2020	PVS	12.9	14.5	12	TP	20	12.40%
9/15/2020	STB	11.6	13	11	TP	8	12.07%
9/9/2020	CVT	18.65	20.8	17.5	TP	23	11.53%
9/7/2020	TIG	6.7	7.4	6.3	TP	14	10.45%

Chú thích: Thống kê 9 mã đóng vị thế gần nhất
 TP - Đã chốt lời
 SL - Đã cắt lỗ

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	17	9	3.24%	-1.91%	1.46%	34
Cổ phiếu đã chốt	44	24	12.30%	-8.88%	4.83%	25

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2011	903.40	0.93%	-0.11	-30.3%	95,453	11/19/2020	33
VN30F2012	899.10	1.14%	-4.41	-5.8%	583	12/17/2020	61
VN30F2103	895.00	0.63%	-8.51	-71.8%	51	3/18/2021	152
VN30F2106	892.40	1.00%		-82.4%		6/17/2021	243

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng +1.92 điểm, lên 903.51 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như MSN, TCB, CTG, STB, MBB tác động mạnh đến vận động tăng của của VN30. VN30 giành phần lớn thời gian giao dịch giằng co quanh 900-905 điểm. Thanh khoản giảm, VN30 có thể vận động tích lũy quanh 905 điểm trong những phiên tiếp theo.
- Các HDTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2012, các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2012, các hợp đồng đều giảm. Điều này báo hiệu điều chỉnh giảm. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 890 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CTCB2006	10/29/2020	10	2:1	317,850	38.50%	1,200	2,600	19.82%	2,512	1.04	20,400	18,000	23,000
CTCB2008	12/18/2020	60	2:1	288,810	38.50%	1,720	2,300	16.16%	1,731	1.33	23,440	20,000	23,000
CSTB2009	12/18/2020	60	1:1	189,900	45.42%	1,650	3,600	12.50%	3,361	1.07	12,550	10,900	14,100
CSTB2004	11/30/2020	42	1:1	386,670	45.42%	1,400	3,290	10.77%	3,200	1.03	12,400	11,000	14,100
CMBB2007	1/14/2021	87	1.74:1	463,760	35.56%	1,400	2,320	10.48%	1,033	2.25	17,217	14,783	18,250
CTCB2007	1/14/2021	87	2:1	743,960	38.50%	1,700	2,220	2.78%	1,851	1.20	23,400	20,000	23,000
CFPT2009	12/18/2020	60	3:1	344,270	32.28%	2,480	2,800	1.82%	2,451	1.14	54,240	46,800	53,300
CPNJ2008	2/8/2021	112	5:1	214,260	39.71%	3,030	3,960	1.02%	3,731	1.06	65,150	50,000	67,500
CMWG2012	2/8/2021	112	5:1	151,190	41.74%	4,390	6,250	0.81%	5,779	1.08	101,950	80,000	106,800
CVPB2009	11/20/2020	32	2:1	318,370	45.53%	1,630	2,400	0.00%	2,216	1.08	23,460	20,200	24,450
CFPT2008	1/14/2021	87	5:1	465,670	32.28%	1,500	1,760	-0.56%	1,381	1.27	55,500	48,000	53,300
CVPB2008	1/14/2021	87	3:1	494,000	45.53%	1,800	1,940	-1.52%	1,834	1.06	25,600	22,000	24,450
CVMN2004	11/30/2020	42	1:1	31,710	32.20%	17,500	17,800	-2.41%	1,511	11.78	113,048	95,548	107,700
CMWG2007	11/30/2020	42	1:1	53,010	41.74%	12,900	22,720	-2.45%	20,685	1.10	99,900	87,000	106,800
CHPG2016	1/14/2021	87	2:1	241,880	37.60%	2,200	4,390	-2.66%	1,509	2.91	31,900	27,500	28,900
CHPG2019	12/18/2020	60	2:1	649,360	37.60%	1,630	2,820	-3.09%	2,596	1.09	27,360	24,100	28,900
CHPG2008	11/30/2020	42	1:1	117,190	37.60%	4,100	7,700	-3.75%	2,030	3.79	32,100	28,000	28,900
CHPG2012	1/18/2021	91	1:1	129,380	37.60%	6,100	9,730	-5.07%	3,692	2.64	32,600	26,500	28,900
CVPB2006	11/30/2020	42	1:1	331,730	45.53%	3,400	1,740	-5.43%	1,795	0.97	27,400	24,000	24,450
CVHM2007	2/8/2021	112	5:1	348,850	38.08%	2,900	1,760	-8.33%	1,491	1.18	89,500	75,000	76,100
Tổng				6,281,820	39.35%**								
Chú thích:		Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất						CR: Tỷ lệ chuyển đổi					
		Lãi suất phi rủi ro là 4.75%						Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn					
		**Trung bình độ lệch chuẩn						*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes					

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 19/10/2020, phần lớn chứng quyền đều giảm, trong khi chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về giá. Giá trị giao dịch giảm.
- CTCB2006 và CTCB2008 tăng mạnh lần lượt là 19.82% và 16.16%. Trái lại, CNVL2001 và CVHM2002 giảm mạnh lần lượt là -25.00% và -18.44%. Giá trị giao dịch giảm -6.49%. CHPG2019 có giá trị giao dịch nhiều nhất 5.62% thị trường.
- CMSN2008, CMSN2005, CMWG2006, CMSN2001, và CMSN2006 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHPG2009, CMSN2008, và CREE2004 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CMWG2007, CMSN2008, và CMWG2012 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	106.8	-0.1%	1.3	2,102	2.2	8,348	12.8	3.4	49.0%	30.3%
PNJ	Bán lẻ	67.5	-0.9%	1.3	661	2.5	4,629	14.6	3.2	49.0%	23.6%
BVH	Bảo hiểm	55.5	3.0%	1.4	1,791	3.9	1,625	34.2	2.1	28.4%	6.7%
PVI	Bảo hiểm	29.5	0.3%	0.3	287	0.0	2,651	11.1	0.9	54.4%	8.8%
VIC	Bất động sản	97.7	0.1%	0.8	14,368	1.6	2,336	41.8	3.9	13.8%	9.5%
VRE	Bất động sản	27.4	-0.5%	1.1	2,702	2.3	1,057	25.9	2.2	30.6%	8.9%
VHM	Bất động sản	76.1	-1.2%	1.2	10,884	8.2	6,686	11.4	3.7	22.1%	36.5%
DXG	Bất động sản	12.2	2.5%	1.4	275	4.2	658	18.5	1.0	34.4%	2.9%
SSI	Chứng khoán	18.4	1.1%	1.3	479	7.6	1,718	10.7	1.1	50.3%	10.7%
VCI	Chứng khoán	38.5	-4.5%	1.0	277	2.7	4,110	9.4	1.7	27.7%	18.7%
HCM	Chứng khoán	22.9	2.0%	1.7	304	4.1	1,608	14.2	1.6	49.1%	11.5%
FPT	Công nghệ	53.3	0.2%	0.8	1,817	5.4	4,280	12.5	2.8	49.0%	23.6%
FOX	Công nghệ	51.7	0.4%	0.4	615	0.1	4,812	10.7	2.7	0.0%	28.3%
GAS	Dầu khí	74.0	-1.9%	1.4	6,158	3.9	5,169	14.3	2.7	3.1%	20.5%
PLX	Dầu khí	49.4	-1.2%	1.5	2,615	1.5	867	56.9	3.0	16.1%	5.1%
PVS	Dầu khí	13.9	0.0%	1.5	289	1.3	1,339	10.4	0.5	9.9%	5.2%
BSR	Dầu khí	7.0	-1.4%	0.8	944	0.3	898	7.8	0.6	41.1%	8.5%
DHG	Dược	103.0	-1.0%	0.5	586	0.0	5,044	20.4	4.2	54.8%	21.2%
DPM	Hóa chất	16.9	-0.9%	0.4	287	1.4	1,700	9.9	0.8	12.1%	8.9%
DCM	Hóa chất	12.4	-1.2%	0.5	285	1.3	709	17.5	1.0	2.8%	5.8%
VCB	Ngân hàng	87.5	-0.8%	1.1	14,110	4.0	4,915	17.8	3.6	23.6%	22.0%
BID	Ngân hàng	41.9	-0.7%	1.3	7,327	4.9	2,132	19.7	2.2	17.4%	12.3%
CTG	Ngân hàng	32.2	3.2%	1.2	5,205	13.5	2,995	10.7	1.5	29.7%	14.6%
VPB	Ngân hàng	24.5	-0.6%	1.2	2,591	7.6	4,126	5.9	1.3	23.4%	23.5%
MBB	Ngân hàng	18.3	2.2%	1.0	2,200	8.4	2,995	6.1	1.1	23.0%	20.0%
ACB	Ngân hàng	25.3	2.4%	1.0	2,378	15.6	2,884	8.8	1.8	39.0%	22.6%
BMP	Nhựa	54.0	-0.7%	0.8	192	0.2	5,781	9.3	1.8	81.3%	19.5%
NTP	Nhựa	34.2	2.7%	0.4	175	0.1	3,348	10.2	1.6	18.9%	16.0%
MSR	Tài nguyên	17.8	-3.3%	0.4	766	0.1	356	50.0	1.4	1.9%	2.9%
HPG	Thép	28.9	-0.7%	1.2	4,163	13.8	2,632	11.0	1.8	34.2%	18.1%
HSG	Thép	14.7	-2.7%	1.5	283	8.4	1,767	8.3	1.1	9.3%	13.6%
VNM	Tiêu dùng	107.7	0.3%	0.8	9,785	7.6	4,615	23.3	7.5	58.0%	33.0%
SAB	Tiêu dùng	187.7	-0.4%	0.8	5,233	1.0	6,328	29.7	6.5	63.2%	23.7%
MSN	Tiêu dùng	82.0	2.5%	1.1	4,188	10.7	3,255	25.2	4.1	37.9%	13.9%
SBT	Tiêu dùng	16.5	2.8%	0.8	420	2.9	619	26.6	1.3	5.2%	5.3%
ACV	Vận tải	62.5	0.2%	0.8	5,916	0.4	3,450	18.1	3.7	3.3%	22.3%
VJC	Vận tải	104.5	-0.5%	1.1	2,380	1.5	3,480	30.0	3.7	17.6%	12.3%
HVN	Vận tải	26.1	0.2%	1.7	1,609	0.3	(3,871)	N/A	N/A	9.2%	-38.6%
GMD	Vận tải	23.8	1.1%	0.9	307	0.3	1,381	17.2	1.2	49.0%	6.8%
PVT	Vận tải	13.8	1.9%	1.2	168	1.2	2,076	6.6	0.8	19.5%	13.5%
VCS	Vật liệu xây dựng	75.8	-0.1%	1.0	511	0.8	8,104	9.4	3.6	2.9%	40.8%
VGC	Vật liệu xây dựng	23.1	0.2%	0.8	449	0.1	1,363	16.9	1.6	7.7%	9.3%
HT1	Vật liệu xây dựng	17.0	-0.3%	0.9	281	0.3	1,937	8.7	1.2	6.0%	13.5%
CTD	Xây dựng	57.8	6.3%	1.0	192	2.4	8,453	6.8	0.5	46.6%	7.9%
CII	Xây dựng	18.7	1.9%	0.3	194	0.9	1,562	12.0	0.9	33.6%	7.6%
REE	Điện	41.6	0.0%	-1.4	561	0.3	4,780	8.7	1.2	49.0%	14.8%
PC1	Điện	22.6	0.9%	-0.4	157	0.6	2,176	10.4	1.0	14.7%	9.9%
POW	Điện	10.2	-1.5%	0.6	1,033	2.7	933	10.9	0.8	10.4%	8.1%
NT2	Điện	23.3	1.1%	0.6	292	0.1	2,685	8.7	1.5	19.2%	18.0%
KBC	Khu công nghiệp	14.8	1.4%	0.8	302	1.3	1,156	12.8	0.7	18.4%	5.8%
BCM	Khu công nghiệp	39.9	0%	1.0	1,796	0.0	#N/A	N/A	N/A	2.8	1.8% #VALUE!

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CTG	32.15	3.21	1.06	9.65MLN
GVR	14.80	6.09	0.97	6.24MLN
MSN	82.00	2.50	0.67	3.07MLN
TCB	23.00	1.55	0.35	28.51MLN
BVH	55.50	2.97	0.34	1.60MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VHM	0.00	-0.86	2.47MLN	1.11MLN
GAS	0.00	-0.76	1.20MLN	607060
VCB	0.00	-0.74	1.05MLN	373600
BID	0.00	-0.34	2.69MLN	192700
LGC	-0.01	-0.25	1080	611640

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SFC	24.60	6.96	0.01	5060.00
TTE	9.44	6.91	0.01	10
TTF	7.76	6.89	0.03	2.69MLN
DXV	3.42	6.88	0.00	500
DAT	35.80	6.87	0.03	2760

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HAS	7.18	-6.99	0.00	50100
DTL	7.35	-6.96	-0.01	560
LGC	61.80	-6.93	-0.25	1080.00
TDP	30.25	-6.92	-0.03	4200
VCF	230.00	-6.88	-0.13	1030

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

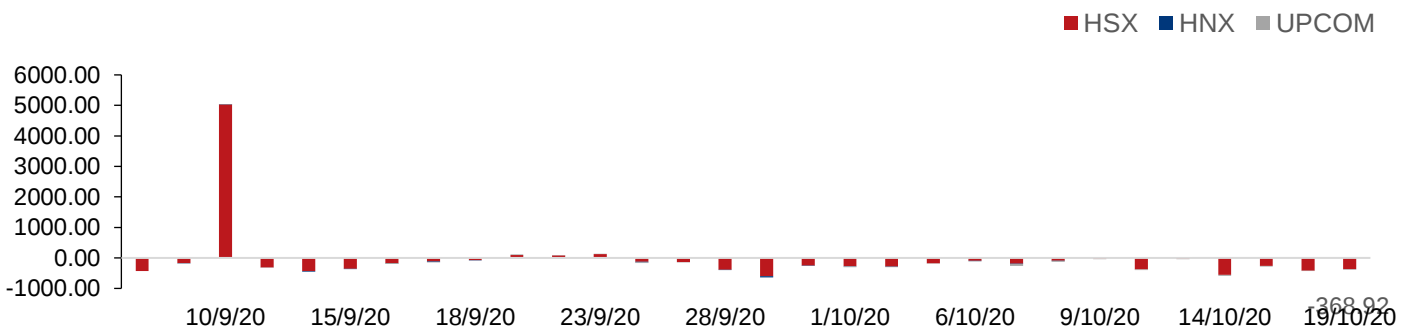
Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	25.30	2.43	1.27	14.15MLN
OCH	9.20	9.52	0.07	400.00
NTP	34.20	2.70	0.03	86500
TVC	10.40	5.05	0.02	1.72MLN
MBS	11.40	4.59	0.02	484300

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	16.00	-1.23	-0.29	3.04MLN
SLS	67.30	-13.72	-0.07	22100
VIX	12.90	-3.01	-0.05	817600
NVB	9.10	-1.09	-0.04	2.34MLN
VCG	42.70	-1.16	-0.03	340200

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HMH	9.90	10.0	0.01	100
PMS	15.40	10.0	0.01	1400
SIC	12.10	10.0	0.01	500
TMB	20.90	10.0	0.01	100
NFC	6.70	9.8	0.00	100.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SLS	67.30	-13.72	-0.07	22100
PPY	20.10	-9.87	0.00	100
PMB	8.40	-9.68	0.00	200
BPC	10.30	-9.65	0.00	1000
PIC	8.60	-9.47	-0.01	900

Hình 3
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	MWG	Bán lẻ	Mua	21/8/20	81.7	117.5	106.8	8,348	12.8	3.4	Click
2	VGT	Dệt may	N.A	19/8/20	7.3	N.A	9.1	885	10.3	0.7	Click
3	VHC	Thủy sản	Theo dõi	18/8/20	36.7	39.0	43.0	5,512	7.8	1.5	Click
4	KDH	Bất động sản	Mua	12/8/20	24.2	31.3	23.7	1,944	12.2	1.7	Click
5	HPG	Vật liệu Xây dựng	Mua	11/8/20	24.3	30.0	28.9	2,632	11.0	1.8	Click
6	NLG		Mua	24/6/20	25.0	34.6	27.0	3,024	8.9	1.4	Click
7	VPB	Ngân hàng	Mua	11/6/20	22.5	29.0	24.5	4,126	5.9	1.3	Click
8	DBC	Thực phẩm	Mua	8/6/20	54.0	71.3	41.5	9,998	4.2	1.2	Click
9	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	82.0	3,255	25.2	4.1	Click
10	DGC	Hóa chất	Theo dõi	3/6/20	38.9	43.2	42.0	4,670	9.0	1.7	Click
11	HSG	VLXD	Mua	2/6/20	10.1	12.4	14.7	1,767	8.3	1.1	Click
12	VEA	Ô tô	Theo dõi	27/5/20	40.0	44.2	43.9	5,479	8.0	2.2	Click
13	SZC	Bất động sản	Mua	20/5/18	18.7	22.2	24.5	2,103	11.6	2.0	Click
14	HPG	VLXD	Mua	20/5/19	26.2	36.7	28.9	2,632	11.0	1.8	Click
15	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	20/5/20	21.3	25.0	23.0	3,103	7.4	1.2	Click
16	PNJ	Bán lẻ	Theo dõi	19/5/20	62.0	64.5	67.5	4,629	14.6	3.2	Click
17	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/20	125.0	145.9	108.1	4,105	26.3	9.3	Click
18	DXG	Bất động sản	Theo dõi	19/5/20	10.6	15.4	12.2	658	18.5	1.0	Click
19	PLC	Dầu khí	Theo dõi	15/5/20	16.4	18.8	21.3	1,721	12.4	1.2	Click
20	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	24.5	7,583	3.2	1.3	Click
21	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/20	20.6	N/a	27.0	5,224	5.2	1.2	Click
22	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/20	26.9	32.1	53.5	4,739	11.3	2.2	Click
23	VCB	Ngân hàng	Mua	8/5/20	67.4	90.0	87.5	4,915	17.8	3.6	Click
24	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/20	20.3	27.0	25.3	2,884	8.8	1.8	Click
25	VHC	Thủy sản	Theo dõi	6/5/20	29.5	33.8	43.0	5,512	7.8	1.5	Click
26	PHR	Cao su	Mua	20/4/20	43.7	51.8	55.3	5,872	9.4	2.5	Click
27	FPT	Viễn thông	Mua	14/4/20	46.4	60.7	53.3	4,280	12.5	2.8	Click
28	GMD	Vận tải	Mua	17/3/20	16.4	27.2	23.8	1,381	17.2	1.2	Click
29	KBC	Bất động sản	Mua	13/3/20	12.4	17.1	14.8	1,156	12.8	0.7	Click
30	SAB	Thực phẩm	Theo dõi	13/3/20	144.0	161.1	187.7	6,328	29.7	6.5	Click
31	KDH	Bất động sản	Mua	3/10/20	23.0	28.9	23.7	1,944	12.2	1.7	Click
32	VNM	Thực phẩm	Mua	28/2/20	106.2	127.3	107.7	4,615	23.3	7.5	Click
33	AAA	Nhựa	Theo dõi	26/2/20	12.6	15.0	11.9	1,340	8.9	0.7	Click
34	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/20	106.2	171.1	106.8	8,348	12.8	3.4	Click
35	DRC	Cao su	Mua	20/2/20	23.3	28.8	20.2	2,088	9.7	1.4	Click
36	DHG	Dược	Theo dõi	31/1/20	93.0	89.5	103.0	5,044	20.4	4.2	Click
37	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/19	16.8	20.2	13.8	2,076	6.6	0.8	Click
38	PNJ	Bán lẻ	Mua	2/1/20	86.5	99.7	67.5	4,629	14.6	3.2	Click
39	QNS	Thực phẩm	Mua	1/2/20	28.7	35.0	32.1	4,313	7.4	1.5	Click
40	NTC	Cao su	Theo dõi	18/12/19	170.0	N/a	219.6	14,782	14.9	6.1	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
2	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
3	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
4	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
5	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
6	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
7	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
8	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
9	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
10	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
11	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
12	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
13	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click
14	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	x		Click
15	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	x		Click
16	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	x		Click
17	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector		x	Click
18	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona)	x		Click
19	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	x		Click
20	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020		x	Click
21	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	x		Click
22	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN		x	Click
23	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	x		Click
24	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	x		Click
25	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	x		Click
26	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019		x	Click
27	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III	x		Click
28	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	x		Click
29	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_18092019		x	Click
30	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	x		Click
31	07082019_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019		x	Click
32	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019	x		Click
33	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II	x		Click
34	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA_27062019		x	Click
35	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019	x		Click
36	Báo cáo Tổng kết KQKD Q1.2019_BSC_03062019		x	Click
37	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 04.2019	x		Click
38	24042018_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2019		x	Click
39	Vĩ Mô &Thị Trường Quý I.2019	x		Click
40	Báo cáo Tổng kết KQKD 2018_BSC Research_20032019		x	Click



BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express VJC 2020Q3	17/9/20	Dự báo KQKD: BSC ước tính doanh thu thuần năm 2020 của VJC đạt 27,894 tỷ (-45% YoY) với giả định sản lượng hành khách giảm 70% (Tương đương 31% khách nội địa và 89% khách quốc tế), giá cước phí hàng không giảm 5% để cạnh tranh với các hãng hàng không khác. LNST ước đạt 5 tỷ đồng -99% YoY
Express TNG 2020Q3	22/9/20	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 13400 Dự báo KQKD: Năm 2020, công ty đặt kế hoạch doanh thu và lợi nhuận sau thuế dự kiến đạt 4,600 tỷ và 230 tỷ, tương đương với thực hiện năm 2019. Cổ tức năm 2020 dự kiến là 16% (cả tiền mặt và cổ phiếu)
Express NKG 2020Q4	22/9/20	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 7950 Dự báo KQKD: BSC dự báo doanh thu thuần của NKG đạt 11,808 tỷ đồng (-11.2% YoY), LNST từ hoạt động kinh doanh cốt lõi (không tính LN bất thường) là 142 tỷ (gấp 2 cùng kỳ), tương đương EPS = 823 đồng/CP.

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn

(+84)2437173639